

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH T2**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày 02/4/2021

(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa
chị Nh và anh N)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH T2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hiểu.
2. Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa:

Bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Nh, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Xóm GĐ, xã TA, thị xã QY, tỉnh Q.
(chị Nh vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Đoàn Văn N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn VT, xã NT, huyện T1, tỉnh T2.
(anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị Nh trình bày:

Chị và anh Đoàn Văn N, sinh năm 1984, có địa chỉ tại thôn VT, xã NT, huyện T1, tỉnh T2 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 03/6/2013 được Ủy ban nhân dân xã TA, thị xã QY, tỉnh Q chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận được gần hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn đỉnh điểm dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay xác định tình

cảm không còn, không thể quay về chung sống và đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung, theo chị Nh, chị và anh N có 01 con chung là Đoàn Nữ Thanh Th, sinh ngày 05/11/2013, hiện nay con Th đang ở với chị Nh. Khi ly hôn, chị Nh đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đoàn Nữ Thanh Th; chị Nh không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung, chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi cho anh Đoàn Văn N thông báo thụ lý vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện, ông Đoàn Khâm Q1, sinh năm 1946, trú tại thôn VT, xã NT, huyện T1, tỉnh T2, ông Q1 là bố đẻ anh Đoàn Văn N trình bày:

Anh Đoàn Văn N và chị Vũ Thị Nh tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 03/6/2013 được Ủy ban nhân dân xã TA, thị xã QY, tỉnh Q chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị cùng nhau sinh sống ở tỉnh Q. Do xảy ra mâu thuẫn vợ chồng nên anh N đã chuyển vào miền am sinh sống, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ lâu. Cụ thể mâu thuẫn vợ chồng như thế nào thì ông Q1 không nắm được.

Theo ông Q1, nay chị Nh có đơn xin ly hôn anh N, quan điểm của anh N và gia đình ông là đồng ý ly hôn. Anh N hiện đang đi làm ăn xa, không về Tòa án để làm việc được. Anh N đã biết việc chị Nh xin ly hôn và cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung, anh N và chị Nh có 01 con chung là Đoàn Nữ Thanh Th, sinh ngày 05/11/2013, hiện nay con Th đang ở với chị Nh. Quan điểm của gia đình ông Q1 là đồng ý để chị Nh tiếp tục nuôi con chung.

Theo ông Q1, anh N và chị Nh không có tài sản chung và nợ chung.

Ông Q1 đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao và cam kết giao lại cho anh Đoàn Văn N.

Tại biên bản xác minh ngày 25/02/2021, tại Trụ sở Công an xã NT, ông Đinh Minh V, Phó trưởng công an xã NT trình bày:

Anh Đoàn Văn N, sinh năm 1984 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn VT, xã NT, huyện T1, tỉnh T2, tuy nhiên anh N hiện nay không thường xuyên sinh sống tại địa phương.

Tại biên bản xác minh ngày 25/02/2021, tại Trụ sở UBND xã NT, ông Phạm Quốc Tr, cán bộ tư pháp và ông Trương Văn Ch, Phó Chủ tịch UBND xã NT cung cấp thông tin như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Văn N và chị Vũ Thị Nh có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, thị xã QY, tỉnh Q vào ngày 03/6/2013. Sau khi kết hôn anh chị không sinh sống tại địa phương. Nay chị Nh có đơn xin ly hôn anh N, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Đoàn Văn N hiện có hộ khẩu thường trú tại thôn VT, xã NT, huyện T1, tỉnh T2 nhưng anh N không sinh sống thường xuyên tại địa phương, chỉ thỉnh thoảng về thăm gia đình tại địa phương.

Về quan hệ con chung: anh N và chị Nh có 01 con chung là Đoàn Nữ Thanh Th, sinh ngày 05/11/2013, hiện nay con Th đang ở với chị Nh. Ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung của anh N và chị Nh địa phương không nắm được.

Ngày 19/02/2021 và ngày 24/02/2021, Tòa án tổ chức phiên công khai chứng cứ và hòa giải, chị Nh có mặt, anh N vắng mặt.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, chị Nh có mặt, anh N vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa được mở lại vào ngày 02/4/2021.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Vũ Thị Nh được ly hôn anh Đoàn Văn N. Về con chung, giao con chung Đoàn Nữ Thanh Th, sinh ngày 05/11/2013 cho chị Nh được trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nh; anh N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; việc cấp dưỡng nuôi con chung, thay đổi người nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải quyết tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Vũ Thị Nh vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Đoàn Văn N vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nh và anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Vũ Thị Nh và anh Đoàn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Nh cung cấp phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án nên xác định: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận được gần hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn đỉnh điểm dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

[2.2] Chị Nh có đơn xin ly hôn, Tòa án đã ra thông báo thụ lý, thông báo đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, anh N không đến Tòa án. Tòa án mở phiên tòa, cả hai lần anh N đều không đến, qua gia đình, anh N đồng ý ly hôn, chị Nh kiên quyết yêu cầu ly hôn. Như vậy, có thể thấy tình cảm vợ chồng của chị Nh và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Vũ Thị Nh được ly hôn anh Đoàn Văn N.

[3] Về con chung: Anh N và chị Nh có 01 con chung là Đoàn Nữ Thanh Th, sinh ngày 05/11/2013. Hiện nay, con chung đang ở với chị Nh. Do anh N đi làm ăn xa, không đảm bảo điều kiện để nuôi con, chị Nh đề nghị Tòa án giao cho quyền được nuôi con nên cần giao cho chị Nh được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nh; anh N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; việc cấp dưỡng nuôi con chung, thay đổi người nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội **về án phí và lệ phí tòa án**:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Vũ Thị Nh được ly hôn anh Đoàn Văn N.

2. Về con chung:

Giao cho chị Vũ Thị Nh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Đoàn Nữ Thanh Th, sinh ngày 05/11/2013. Anh Đoàn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nh. Anh N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; việc cấp dưỡng nuôi con chung, thay đổi người nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung:

Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Nguyên đơn là chị Vũ Thị Nh phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị Nh đã nộp theo Biên lai số 0002052 ngày 21/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T2. Chị Vũ Thị Nh đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND xã TA, thị xã QY, tỉnh Q;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền